

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* Nguyên đơn: Bà Trần Thị N sinh năm 1936.

Địa chỉ: 102, P , khu phố 4, phường Đ , thành Phố H , tỉnh K .

\* Bị đơn: Bà Phùng Dạ T sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố 01, phường B, Thành Phố H , tỉnh K .

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Bích L sinh năm 1971

Địa chỉ: 205 P , khu phố 4, phường B , thành phố H , K .

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà Trần Thị N yêu cầu bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L phải trả lại phần đất có diện tích 11m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu phố 4, phường Đ Thành phố H tỉnh K cho bà Trần Thị N sử dụng.

Bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L đồng ý trả lại phần đất có diện tích và vị trí nêu trên cho bà Trần Thị N được quyền sử dụng.

Đất có vị trí như sau: Phần đất 11m<sup>2</sup> được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H tỉnh K và sơ đồ trích đo thực tế khu đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị N đối với bị đơn Trần Dạ T tại khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh K do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 07/9/2020 có các cạnh như sau: Cạnh 11; 12 = 4,61m, giáp đất bà Trần Thị N; cạnh 12; 13 = 4,60m, giáp đất bà Trần Thị N đang sử dụng; cạnh 13; 23 = 2,90m, giáp kênh R do nhà nước quản lý (hiện tại bà Phùng Bích L đang sử dụng); cạnh 23; 11 = 4,13m, giáp kênh R do nhà nước quản lý (hiện tại bà Phùng Bích L đang sử dụng).

Bà Trần Thị N, bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L thống nhất không phải bồi thường gì cho nhau về chi phí san lấp trên phần đất 11 m<sup>2</sup> này. Bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L đồng ý di dời, phá dỡ hàng rào, dời trụ đá nằm trên phần đất 11 m<sup>2</sup> này. Chi phí phá dỡ do bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L tự nguyện chịu.

Về thời gian phá dỡ hàng rào: Bà Phùng Dạ T và bà Phùng Bích L thống nhất di dời, phá dỡ hàng rào trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 14/5/2021 đến 24/5/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm di dời, phá dỡ hàng rào, dời trụ đá nằm trên phần đất 11 m<sup>2</sup> nêu trên thì bà Trần Thị N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố H cưỡng chế thi hành theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng do bà Trần Thị N tự nguyện nộp nhưng bà Trần Thị N được miễn nộp án phí nên bà Trần Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số

0008890 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H , tỉnh K.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đình Đăng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).